

Cách đây vài tháng tôi có may mắn được đưa nhà văn Nguyễn Khả về thăm phủ Thuận Thành. Hai anh em ngồi một lúc trong chùa Bút Tháp rồi nhào qua chùa Dầu, qua đền thờ Sĩ Nhiếp Nam giao học tổ. Khi xe ngang qua chợ Sủi thì chỉ kịp nhìn vào cổng làng Phú Thị quê cụ Cao Bá Quát. Ngày cụ bị khép án tru di tam tộc, đã có cả thầy 141 người nơi này phải mang gông một lần.

Giá mà còn thời gian tôi sẽ dẫn anh xuống Gia Bình thăm đền thờ cụ Lê Văn Thịnh Nam quốc khai khoa đệ nhất nhân, một học giả, một nhà ngoại giao, một vị tể tướng nhiều công khai mở trong buổi đầu dựng nước, bỗng chốc bị vu cho là toan hóa hổ vồ vua. Rồi nếu chịu khó đi thêm mấy bước chân nữa xuống mạn Lang Tài, ta sẽ gặp đền thờ người anh hùng thời Thục An Dương Vương, đó là tướng quân Cao Lỗ, người cuối đời cũng đã gặp nhiều oan khiên.

Nhà văn trầm ngâm, chỉ một dải đất hẹp mà đã thấy lắm danh nhân thăng cảnh và cũng không ít vui buồn.

Nhưng hôm ấy tôi vội, anh Khải cũng vội, thành thử chuyến đi đành gác lại giữa chừng. Cũng mới chỉ là cưỡi ngựa xem hoa mà thôi. Lịch sử nơi này, cũng như những gì đang chuyển động đổi mới ở nơi này mách bảo chúng tôi rằng cần phải biết dành nhiều thời gian cho nó phải đến với nó không thể chỉ bằng một vài chuyến đi vội vàng.

Trước khi trở về thị xã, tôi dẫn anh Khải đến nhà một người bạn thân, gửi anh nghỉ lại đó. Sáng mai anh còn phải xuống Liễu Ngạn thập hương nhà thờ cụ Nguyễn Gia Thiều. Hóa ra anh Khải là cháu nhiều đời của cụ quận công.

Có một ông thầy tử vi trong Sài Gòn đã nói với anh từ đầu năm rằng anh tuổi Canh Ngọ, gặp năm Nhâm Ngọ là rất dễ về với tổ tiên. Lời quyết đoán ấy khiến anh đâm bồn chồn, hình như anh ít nhiều đã tin do vậy mới gọi điện ra cho tôi hẹn thu xếp để cùng về đây.

Là để anh có lần được tạ lỗi với người xưa. Anh tự nhận mình lẽ đưa cháu bất hiếu, bảy mươi ba tuổi mới quay về nhận họ mạc và thập hương vái cụ tổ.

Với anh, điều đó lại càng là một lỗi lớn bởi vì anh là người đã cố diễm phúc cầm bút theo nghiệp văn chương, cái nghiệp cụ tổ từng lựa chọn và đã để lại dấu ấn vàng son trong lịch sử văn học nước nhà.

Dẫu sao như thế vẫn là còn kịp, chưa bao giờ muộn. Cụ tổ anh sinh ra trong phủ chúa, lớn lên làm quan võ tại triều, rồi mau chóng ngất ngẫm cáo quan về sông ải dật, sớm chiều niệm kinh phật, làm thơ vịnh cây hành cây mũa trước sân, miên man nghĩ về kiếp người, về cõi đời về bao la vũ trụ. Con quay búng sẵn trên trời, mờ mờ nhân ảnh nhu người đi đêm. Một người như cụ ắt phải rất rộng lượng, không dễ trách cứ một ai, huống hồ đây là người cháu theo đuổi nghiệp văn, tuy nó chưa kịp về thăm nơi cụ yên nghỉ nhưng thực không lúc nào lẹ không canh cánh trong lòng một lời hẹn ước nhất định phải có một lần tìm về để bày tỏ sự kính trọng trước một con người rất đáng kính trọng.

Đẹp hơn nữa, đây lại là một người cháu biết noi gương cha ông, dốc sức học hỏi, dùi mài kinh sử, cho dù tài năng có thể chưa bằng ai nhưng đúng là nó đã dám bỏ cả một đời ra để lăn lộn, đánh vật vỡ trang viết, một trong những niềm khát khao chân thành được dâng hiến mong có ích cho đời.

Người như vậy đã đủ để được xem là một người hiền, một nhân cách không hổ thẹn. Con người ta sống trong trời đất là ngồn ngồn những khôn dại đúng sai, là hết đứng dậy lại vấp ngã, lẫn lộn những kiêu hãnh và tầm thường, đầu óc lúc quang lúc tối, khi nó mở ra thì khôn ngoan vượt cả Khổng Minh, Hàn Tín, mà khi nó đóng lại thì mờ mịt yếu đuối như con vờ ngoài sông lúc chiều tà. Sự hơn kém nhau cơ lẽ chỉ là ở chỗ người ấy có chịu nhớ hay đã không chịu nhớ mình là ai mình từ đâu đến và mình đang đi về đâu. Cái đúng cái sai quả là chưa mấy can hệ, cái khôn cái dại cái được cái mất cũng nào có gì đáng bàn bất quá nó chỉ là những cái để đánh người đang tắt tuổi ngoài đường kỳ quan tâm. Với người cầm bút thì không thể chỉ có thế, tâm tư tưởng cứ nó phải dám vượt qua những gì thuộc tầng hình nhi hạ để bước vào

miền hình nhi thượng, ở đó làm gì còn đúng sai khôn dại nữa, ở đó là chỉ còn có những gì thuộc về cái đẹp thuần khiết, nó nhẹ tênh, nhu mờ như tờ xa xăm và bay lượn. Cái ngày nhà văn Nguyễn Khải tìm về với cụ tổ nhà anh có mang một dấu hiệu nhuộm màu tâm linh. Đó là một cuộc đối thoại ngầm của hai người; có nhân có trí có dũng ở hạ thời đại cách nhau đã trên ba trăm năm. Cái khó trong lúc chuyện trò giữa hai người là ở chỗ vẫn chưa hiểu hết về nhau, có lẽ vậy. Người nay thì khiêm cung nhìn lên người xưa, sẵn sàng say mê và bái phục trước những giá trị đạo đức và tư tưởng lẫm liệt của tổ tiên, nhưng chắc gì người xưa đã cảm thông hết được với những nông nổi của người nay. Cánh đồng mùa thu đang gặt hái, bờ đê bụi cuốn như công trường, những phố xá nhà ống nom ngô ngọng đua nhau mọc dọc đường đi, người người nhìn lên người xưa, sẵn sàng say mê và bái phục trước những giá trị đạo đức và tư tưởng lẫm liệt của tổ tiên, nhưng chắc gì người xưa đã cảm thông hết được với những nông nổi của người nay. Cánh đồng mùa thu đang gặt hái, bờ đê bụi cuốn như công trường, những phố xá nhà ống nom ngô ngọng đua nhau mọc dọc đường đi, người người nhìn lên người xưa, sẵn sàng say mê và bái phục trước những giá trị đạo đức và tư tưởng lẫm liệt của tổ tiên, nhưng chắc gì người xưa đã cảm thông hết được với những nông nổi của người nay. Chẳng ai tránh nổi tuổi già. Nhưng người già lại có cái đẹp của người già đó là cái đẹp của sự từng trải, cái đẹp nghĩ ngợi của người đã đi qua đủ, đọc quá đủ và làm cũng quá đủ.

Anh là người suốt đời khe khát đòi hỏi ở bản thân, trong cách sống cũng như trong cách viết. Và với tư cách là người cầm bút tham chính sẵn sàng lao vào can thiệp, thúc đẩy cuộc sống đi tới, anh cũng đã dám công khai đòi hỏi ở mọi người, đòi hỏi một cách đầy tin cậy, nhiều khi tưởng không còn biết nể nang. Điều đó đã thành một định hướng chính sách, thành phong cách một nhà văn. Anh chưa bao giờ dám nghĩ mình là số một, nhưng ở anh vẫn có thừa sự tự trọng và một tinh thần phụ trách trước cuộc sống với không biết bao nhiêu là hình thái phức tạp và lớn lao của nó. Suốt nửa thế kỷ vừa qua, anh là một nhà văn làm việc không mệt mỏi, những trang văn của anh luôn luôn mới mẻ bởi vì nó gần gũi thường nhật với hiện thực không ngừng vận động trên đất nước. Nó là minh chứng xác thực nhất để ta nhìn rõ tác giả của nó là một người hành động, một người khát khao đổi mới, sẵn sàng dấn thân tung hoành cho một sự nghiệp lớn.

Những trang văn của anh có sức tỏa sáng, anh là một tiếng nói có trọng lượng trên văn đàn.

Tôi cũng rất tiếc là chưa kịp đưa anh Nguyễn Khải về bên kia sông Đuống. Núi bên kia sông Đuống là nói đến miền đất phủ Từ Sơn, một vùng đồng bằng có chen mấy dãy núi thấp khiến dáng dấp trung du của nó càng có duyên. Còn như bên kia sông Đuống của nhà thơ Hoàng Cầm thì ngược lại, nó chính là vùng đất Thuận Thành mà giờ đây anh đang có mặt. Khi ông Hoàng Cầm viết bài thơ nổi tiếng ấy, ông đã đứng từ bờ bên kia mà nhìn sang bên này.

Phủ Từ là quê ngoại của tôi. Ở nơi ấy có cụ Nguyễn Huy Tường, cụ cụ Ngô Tất Tố văn chương lấy lừng. Đặc biệt là cụ Tố với những bà báo điều tra về đời sống nông thôn Việt Nam trước cách mạng thì thật là một người uyên thâm hiếm thấy. Rồi lại còn có ông Nguyễn Địch Dũng nữa, với ông Dũng, văn là người, người sao văn vậy, giản dị chân thực và hết sức cương trực. Ông là người sống trong sạch và văn chương của ông cũng không thể khác, trong trẻo như một nguồn nước sạch nơi quê nhà. Nhắc đến ông Dũng tự khắc phải nhớ đến ông Kim Lân. Hai ông là người cùng làng, là bạn thân của nhau từ nhỏ, nhiều năm trong kháng chiến và trong hòa bình họ lại là người cùng một cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam. Người đọc thường khen truyện ngắn Kim Lân, nhất là những truyện ông viết về làng Phú Lưu của mình. Nhưng tôi biết ông không phải chỉ có thế, ông còn có một truyện thiếu nhi rất tuyệt vời. Đó là một thiên truyện vừa, kể về một chàng hiệp sĩ gỗ. Chàng hiệp sĩ gỗ này ngày ngày được người ta nhốt trong một cái tủ kính mang ra đường, mùa may làm trò cho lũ trẻ xem. Trong đám trẻ thường xúm xít dán mắt vào tủ kính đó có một con bé rất xinh xắn và nhân hậu, nó mê hiệp sĩ gỗ lắm, bảo là con bé phải lòng hiệp sĩ gỗ cũng được. Một đêm hiệp sĩ gỗ đang thiêu thiêu ngủ thì mẹ phù thủy hiện ra. Mẹ phù thủy đánh thức chàng dậy, nó mặc cả luôn như thế này. Nếu chàng muốn nhảy khỏi tủ kính ra ngoài đời để trở thành một hiệp sĩ thật, thành một dũng sĩ bằng xương bằng thịt có gươm có giáo để có thể giúp đời thì mẹ ta cũng có đủ phép thần thông giúp chàng, nhưng với điều kiện, chỉ một điều kiện thôi, khi đã thành người rồi, thì việc trước tiên chàng phải làm là dùng gươm của mình đâm chết cô bé nọ rồi lấy lấy bằng được đầu tim của cô mang về cho mẹ ta. Hiệp sĩ gỗ nghe lời một lúc thì lắc đầu từ chối, ta không làm nổi việc ấy, ta thà suốt đời làm hiệp sĩ gỗ mua vui cho lũ trẻ còn hơn là đi giết một người ta yêu để được làm người. Đại để câu chuyện là như vậy, nhưng với một tác phẩm đã gọi là rất hay thì khó kể lại, tốt hơn hết là hãy tìm nó mà đọc. Hình như nhà văn Kim Lân vừa cho Nhà xuất bản Kim Đồng tái bản tập

sách nhỏ đó.

Bây giờ tôi xin kể về một đồng đất rất vớ vẩn mà cũng rất lạ lùng. Nó nằm ở ven quốc lộ số Một, chỗ đầu bắc của phố phủ Từ Sơn, mỗi lần có dịp qua nó tôi đều bắt chước khách bộ hành ném thêm vào đấy một cục đất nho nhỏ.

Người đời quen gọi nó là mả ông Đống, hoặc gọi nó là mả thằng ăn mày. Lâu lâu thấy mả thằng ăn mày nổi lên cao quá, chị em công nhân bảo dưỡng đường lại phải gọi nhau bỏ sức ra xúc nó vớt xuống mấy cái ao, cái chuôm gần đấy. Nhưng rồi rất lạ lùng, mả thằng ăn mày chẳng mấy chốc lại nổi cao lên, nó không chịu mất đi, mà nó có tự bao giờ chẳng rõ, chỉ biết là trước khi có ta đã có nó rồi.

Những người đóng vai trò chủ yếu trong việc bồi đắp cho mả thằng ăn mày chính là mấy bà quen chạy chợ ở quanh vùng. Chợ Phủ là một nơi tập nập kẻ mua người bán, một tuần họp ba phiên. Còn gọi là chợ Giầu. Giầu ở đây là giầu cau. Đến chợ ai chả mong gặp sự hòa thuận vui vẻ, ai chả ngại gặp phải sự lừa lọc hay ế ẩm thua lỗ. Và thế là mọi người, không rõ từ đâu mà ai cũng đặt lòng tin vào sự phù hộ của thằng ăn mày đã chết thiêng từ bao giờ bao giờ. Người ta cảm thấy có sự may mắn nếu mỗi lần đi chợ nhặt một hòn đất, một hòn gạch, hòn đá ném lên cái mả ấy.

Có một lần, nhà văn Nguyên Hồng trên đường về Bắc Giang đã dừng xe đạp bên mả thằng ăn mày. Ông vừa vuốt râu tẩm tẩm cười vừa hỏi tôi, anh hãy cho tôi biết đồng mả này giống cái gì ở trên đời. Tôi còn đang lúng túng chưa hiểu nên trả lời ra sao thì ông đã nói luôn, nó chính là đời thằng nhà văn chúng ta đấy. Đời thằng nhà văn là do bỏ quê hương xứ sở đắp nên, là bởi ông trời ông ấy phù chú, cho nên nó suốt đời mang nợ, trả được gánh nợ đó đâu có dễ, và chỉ có thể trả bằng các tác phẩm mà thôi. Nhưng một khi, ai đã trả xong gánh nợ đời thì người ấy sẽ là bất diệt.

Cứ theo ý tứ ông cụ mà ngẫm thì không phải chỉ có các nhà văn mà còn có nhiều người khác nữa, nhiều nhiều lắm, họ cũng có thể trở thành bất diệt. Tôi xin lấy ví dụ, cuộc đời và sự nghiệp của ông Trần Đức Thảo, một thạc sĩ triết học đã từng sống cùng thời với chúng ta. Ông Thảo là người làng Song Tháp, xã Châu Khê, phủ Từ Sơn. Ông lớn lên ở phố Hàng Đường Hà Nội, rồi qua Pháp du học. Về nước lúc thì ông làm giáo sư, lúc thì cặm cuội dịch sách, nhưng việc được ông xem là cốt yếu cho cả một đời là việc viết sách. Viết một cuốn sách.

Mùa thu năm 1997 tôi có dịp qua Mỹ, một người quen đã cho tôi cuốn sách của ông Thảo vừa được dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh đó là cuốn Nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ. Sách in cùng một lúc cả hai nơi, Luân Đôn và New York. Mà cũng chỉ in có năm trăm cuốn thôi. Hồi vì sao in ít vậy, được cho biết là vấn đề mà ông Thảo đề cập đến cả thế giới lúc này cũng chỉ có chừng vài trăm người đang quan tâm, mà cũng không phải mọi người đều có thể hiểu hết những gì mà ông Thảo bàn trong cuốn sách này. Số sách in ra một nửa là dành cho người đã trước còn lại đưa vào giữ trong các thư viện lớn.

Sinh thời, Jean Paul Sartre, một triết gia lớn của Pháp đã từng có lời đánh giá: "Trần Đức Thảo ở trong số những người hiếm có, luôn luôn tìm tòi khám phá ở chỗ giáp ranh giữa chân lý và phi lý".

Còn ông Thảo thì đã có lời đánh giá về ông Jean Paul Sartre như sau: "Ông Jean Paul Sartre là một triết gia đặt ra những vấn đề đáng bàn".

Mấy năm về trước tại Paris, vào những giây phút cuối của cuộc đời giây phút hấp hối, khuôn mặt ông bỗng bừng sáng và nửa tỉnh nửa mê ông đã nói ra một lý tưởng thật tốt lành về cái đẹp: "... ý thức trong lòng kêu gọi chính nó đặt ra sự đòi hỏi... Cái đẹp trong sự hoàn thiện những quá trình nghiệm sinh...".

Đây là cách ra đi của một nhà tư tưởng. Chỉ có thể nói là hết sức cao quý.

Bình tro ông Thảo được gửi về nước, đặt tại Nhà tang lễ thành phố trên con đường Phùng Hưng.

Trước ngày làm đám viếng, tôi đã cùng người anh họ của ông tìm tờ ôm bình tro đó trong tay rồi thấp một nén nhang tưởng niệm. Tôi nhớ một ngày gặp ông lần đầu trong căn gác của ngôi nhà tập thể khu Kim Liên. Lúc đó ông đang bận bịu với việc dịch những tác phẩm của Hegel ra tiếng Việt.

Rồi tôi lại nghĩ như ông vẫn đang đứng lơ lửng ở một góc đường Bà Triệu, vào một buổi trưa nào đó thời chiến tranh, trước một cửa hàng bán bánh mì không thu tem phiếu. Khi chiếc xe tải chở bánh tới, mấy

bà mậu dịch viên chạy bổ ra, việc đầu tiên là họ nhìn nhau tìm ông Thảo cái đã. "Nào bác, xúm vào giúp chúng cháu một tay rồi chúng cháu sẽ ưu tiên bán cho bác trước, khỏi phải xếp hàng".

Ông Thảo gật đầu cười với họ, rồi cùng họ khênh những sọt bánh vào trong nhà trước những đôi mắt kinh ngạc lấy làm khó hiểu của dòng người đang rồng rắn bám nhau đợi mua bánh.

Song Tháp có hai thôn, Tháp ngoài và Tháp trong. Ông Thảo người Tháp ngoài. Trên cổng làng Tháp ngoài có bốn chữ: Xuất nhập tương phần. Nôm na nghĩa là nơi này khi ra khi vào đều phải nhìn mặt nhau. Cổng làng Tháp trong có ba chữ: Thủ chư dự. Nôm na nghĩa là nơi này khi đi khi về hãy ngừng cao đầu vui vẻ.

Ngày còn nhỏ tôi được mẹ dắt về bên ngoài, lúc qua cổng làng rồi mẹ trở tay bảo đây là nhà ông Thảo. Tôi ngẩn cổ nhìn qua bờ dưới nhìn theo ngón tay bà đang chỉ, nhìn mãi vẫn chẳng thấy có ngôi nhà nào. Chỉ thấy trong đó có một cây táo dại đang xòa cành xuống một đồng rơm khô, giữa một khu vườn buồn vắng.

Một con đường mờ, hẹp và chênh vênh giữa một bên là cái đúng một bên là cái sai, đó là con đường trí tuệ mà ông đã đi trọn một đời. Con đường ấy như là một sợi chỉ dài, đầu sợi chỉ đã được buộc vào gốc cây táo trong mảnh vườn kia.

Về cuộc đời ông Trần Đức Thảo, nếu cần viết một cuốn sử biên niên thì không thể không ghi vào đó mấy sự kiện đáng kể trong những năm ông sống ở nước nhà. Cuốn Nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ ông viết bằng tiếng Pháp, trước khi gửi sang Pháp in đã được chính tay cố Tổng bí thư Lê Duẩn cầm bút phê lệnh cho phép. Ông cũng đã là người đầu tiên được đồng chí Nguyễn Văn Linh tới thăm và chuyện trò, ngay sau khi đồng chí được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

Vừa qua ông cũng đã vinh dự được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh./.

Đ . C

Đỗ Chu

Quê ngoại

Tùy bút

Cách đây vài tháng tôi có may mắn được đưa nhà văn Nguyễn Khả về thăm phủ Thuận Thành. Hai anh em ngồi một lúc trong chùa Bút Tháp rồi nhào qua chùa Dầu, qua đền thờ Sĩ Nhiếp Nam giao học tổ. Khi xe ngang qua chợ Sủi thì chỉ kịp nhìn vào cổng làng Phú Thị quê cụ Cao Bá Quát. Ngày cụ bị khép án tru di tam tộc, đã có cả thầy 14 người nơi này phải mang gông một lần.

Giá mà còn thời gian tôi sẽ dẫn anh xuống Gia Bình thăm đền thờ cụ Lê Văn Thịnh Nam quốc khai khoa đệ nhất nhân, một học giả, một nhà ngoại giao, một vị tể tướng nhiều công khai mở trong buổi đầu dựng nước, bỗng chốc bị vu cho là toan hóa hổ vồ vua. Rồi nếu chịu khó đi thêm mấy bước chân nữa xuống mạn Lang Tài, ta sẽ gặp đền thờ người anh hùng thời Thục An Dương Vương, đó là tướng quân Cắc Lỗ, người cuối đời cũng đã gặp nhiều oan khiên.

Nhà văn trầm ngâm, chỉ một dải đất hẹp mà đã thấy lắm danh nhân thăng cảnh và cũng không ít vui buồn.

Nhưng hôm ấy tôi vội, anh Khải cũng vội, thành thử chuyến đi đành gác lại giữa chừng. Cũng mới chỉ là cưỡi ngựa xem hoa mà thôi. Lịch sử nơi này, cũng như những gì đang chuyển động đổi mới ở nơi này mách bảo chúng tôi rằng cần phải biết dành nhiều thời gian cho nó phải đến với nó không thể chỉ bằng một vài chuyến đi vội vàng.

Trước khi trở về thị xã, tôi dẫn anh Khải đến nhà một người bạn thân, gửi anh nghỉ lại đó. Sáng mai anh còn phải xuống Liễu Ngạn thăm hương nhà thờ cụ Nguyễn Gia Thiều. Hóa ra anh Khải là cháu nhiều

đời của cụ quận công.

Có một ông thầy tử vi trong Sài Gòn đã nói với anh từ đầu năm rằng anh tuổi Canh Ngọ, gặp năm Nhâm Ngọ là rất dễ về với tổ tiên. Lờ quyết đoán ấy khiến anh đâm bồn chồn, hình như anh ít nhiều đã tin do vậy mới gọi điện ra cho tôi hẹn thu xếp để cùng về đây.

Là để anh có lần được tạ lỗi với người xưa. Anh tự nhận mình là đứa cháu bất hiếu, bảy mươi ba tuổi mới quay về nhận họ mạc và thất hương vái cụ tổ.

Với anh, điều đó lại càng là một lỗi lớn bởi vì anh là người đã cõng diêm phúc cắm bút theo nghiệp văn chương, cái nghiệp cụ tổ từng lựa chọn và đã để lại dấu ấn vàng son trong lịch sử văn học nước nhà.

Dẫu sao như thế vẫn là còn kịp, chưa bao giờ muộn. Cụ tổ anh sinh ra trong phủ chúa, lớn lên làm quan võ tại triều, rồi mau chóng ngả ngấm cáo quan về sống ẩn dật, sớm chiều niệm kinh Phật, làm thơ vịnh cây hành cây mũa trước sân, miên man nghĩ về kiếp người, về cõi đời về bao la vũ trụ. Con quay búng sẵn trên trời, mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm. Một người như cụ ắt phải rất rộng lượng, không dễ gì trách cứ một ai, huống hồ đây là người cháu theo đuổi nghiệp văn, tuy nó chưa kịp về thăm nơi cụ yên nghỉ nhưng thực không lúc nào lẻ không cạnh cánh trong lòng một lời hẹn ước nhất định phải có một lần tìm về để bày tỏ sự kính trọng trước một con người rất đáng kính trọng.

Đẹp hơn nữa, đây lại là một người cháu biết noi gương cha ông, dốc sức học hỏi, dùi mài kinh sử, cho dù tài năng có thể chưa bằng ai nhưng đúng là nó đã dám bỏ cả một đời ra để lăn lộn, đánh vật vào trang viết, một trong những niềm khát khao chân thành được dâng hiến mong có ích cho đời.

Người như vậy đã đủ để được xem là một người hiền, một nhân cách không hổ thẹn. Con người ta sống trong trời đất là ngồn ngồn những khôn dại đúng sai, là hết đứng dậy lại vấp ngã, lẫn lộn những kiêu hãnh và tâm thường, đầu óc lúc quang lúc tối, khi nó mờ ra thì khôn ngoan vượt cả Khổng Minh, Hàn Tín, mà khi nó đóng lại thì mờ mịt yếu đuối như con vờ ngoài sông lúc chiều tà. Sự hơn kém nhau có lẽ chỉ là ở chỗ người ấy có chịu nhớ hay đã không chịu nhớ mình là ai mình từ đâu đến và mình đang đi về đâu. Cái đúng cái sai quả là chưa mấy can hệ, cái khôn cái dại cái được cái mất cũng nào có gì đáng bàn bất quá nó chỉ là những cái để đánh người đang tắt tuổi ngoài đường kia quan tâm. Với người cầm bút thì không thể chỉ có thế, tâm tư tưởng của nó phải dám vượt qua những gì thuộc tầng hình nhi hạ để bước vào miền hình nhi thượng, ở đó làm gì còn đúng sai khôn dại nữa, ở đó lẽ chỉ còn có những gì thuộc về cái đẹp thuần khiết, nó nhẹ tênh, như mây như tờ xa xăm và bay lượn. Cái ngày nhà văn Nguyễn Khải tìm về với cụ tổ nhà anh có mang một dấu hiệu nhuộm màu tâm linh. Đó là một cuộc đối thoại ngầm của hai người; có nhân có trí có đứng ở hai thời đại cách nhau đã trên ba trăm năm. Cái khó trong lúc chuyện trò giữa hai người là ở chỗ vẫn chưa hiểu hết về nhau, có lẽ vậy. Người nay thì khiêm cung nhìn lên người xưa, sẵn sàng say mê và bái phục trước những giá trị đạo đức và tư tưởng liêm liệt của tổ tiên, nhưng chắc gì người xưa đã cảm thông hết được với những nông nổi của người nay. Cánh đồng mùa thu đang gặt hái, bờ đê bụi cuốn như công trường những phễu xá nhà ông nom ngô ngọng đua nhau dọc đường đi người người mã la mã léch, và những cái gọi là khu công nghiệp từ đâu bỗng lạnh lùng hiện ra với cái vẻ lạ lẫm và rất đáng e ngại. Anh Khải vứt cái túi xách rồi buông mình ngồi bệt xuống nền cây cầu đá trong chùa Bút Tháp. Thoáng một chút mệt mỏi của người già. Chả ai tránh nổi tuổi già. Nhưng người già lại có cái đẹp của người già, đó là cái đẹp của sự từng trải, cái đẹp nghĩ ngợi của người đã đi quá đủ, đọc quá đủ và làm cũng quá đủ.

Anh là người suốt đời khe khắt đòi hỏi ở bản thân, trong cách sống cũng như trong cách viết. Và với tư cách là người cầm bút tham chính sẵn sàng lao vào can thiệp, thúc đẩy cuộc sống đi tới, anh cũng đã dám công khai đòi hỏi ở mọi người, đòi hỏi một cách đầy tin cậy, nhiều khi tưởng không còn biết nể nang. Điều đó đã thành một định hướng sáng tác, thành phong cách một nhà văn. Anh chưa bao giờ dám nghĩ mình là số một, nhưng ở anh vẫn có thừa sự tự trọng và một tinh thần phụ trách trước cuộc sống với không biết bao nhiêu là hình thái phức tạp và lớn lao của nó. Suốt nửa thế kỷ vừa qua, anh là một nhà văn lặn lội không mệt mỏi, những trang văn của anh luôn luôn mới mẻ bởi vì nó gần bỏ thường nhật với hiện thực không ngừng vận động trên đất nước. Nó là minh chứng xác thực nhất để ta nhìn rõ tác giả của nó là một người hành động, một người khát khao đổi mới, sẵn sàng dẫn dắt tung hoành cho một sự nghiệp lớn.

Những trang văn của anh có sức tỏa sáng, anh là một tiếng nói có trọng lượng trên văn đàn.

Tôi cũng rất tiếc là chưa kịp đưa anh Nguyễn Khải về bên kia sông Đuống. Nói bên kia sông Đuống là nói đến miền đất phủ Từ Sơn, một vùng đồng bằng có chen mấy dãy núi thấp khiến dáng dấp trung du của nó càng có duyên. Còn như bên kia sông Đuống của nhà thơ Hoàng Cầm thì ngược lại, nó chính là vùng đất Thuận Thành mà giờ đây anh đang có mặt. Khi ông Hoàng Cầm viết bài thơ nổi tiếng ấy, ông đã đứng từ bờ bên kia mà nhìn sang bên này.

Phủ Từ là quê ngoại của tôi. ở nơi ấy có cụ Nguyễn Huy Tưởng, cụ cụ Ngô Tất Tố văn chương lầy lùng. Đặc biệt là cụ Tố với những bà bảo điều tra về đời sống nông thôn Việt Nam trước cách mạng thì thật là một người uyên thâm hiếm thấy. Rồi lại còn có ông Nguyễn Dịch Dũng nữa, với ông Dũng, vẫn là người, người sao vẫn vậy, giản dị chân thực và hết sức cương trực. Ông là người sống trong sạch và vắn chương của ông cũng không thể khác, trong trẻo như một nguồn nước sạch nơi quê nhà. Nhắc đến ông Dũng tự khắc phải nhớ đến ông Kim Lân. Hai ông là người cùng làng, là bạn thân của nhau từ nhỏ, nhiều năm trong kháng chiến và trong hòa bình họ lại là người cùng một cơ quan Hội Nhà văn Việt Nam. Người đọc thường khen truyện ngắn Kim Lân, nhất là những truyện ông viết về làng Phú Lưu của mình. Nhưng tôi biết ông không phải chỉ có thế, ông còn có một truyện thiếu nhi rất tuyệt vời. Đó là một thiên truyện vừa, kể về một chàng hiệp sĩ gỗ. Chàng hiệp sĩ gỗ này ngày ngày được người ta nhốt trong một cái tủ kính mang ra đường, mua may làm trò cho lũ trẻ xem. Trong đám trẻ thường xúm xít dán mắt vào tủ kính đó có một con bé rất xinh xắn và nhân hậu, nó mê hiệp sĩ gỗ lắm, bảo là con bé phải lòng hiệp sĩ gỗ cũng được. Một đêm hiệp sĩ gỗ đang thiu thiu ngủ thì mụ phù thủy hiện ra. Mụ phù thủy đánh thức chàng dậy, nó mặc cả luôn như thế này. Nếu chàng muốn nhảy khỏi tủ kính ra ngoài đời để trở thành một hiệp sĩ thật, thành một dũng sĩ bằng xương bằng thịt có gươm có giáo để có thể giúp đời thì mụ ta cũng có đủ phép thần thông giúp chàng, nhưng với điều kiện, chỉ một điều kiện thôi, khi đã thành người rồi, thì việc trước tiên chàng phải làm là dùng gươm của mình đâm chết cô bé nọ rồi lấy bằng được quả tim của cô mang về cho mụ ta. Hiệp sĩ gỗ nghe ngóng một lúc thì lắc đầu từ chối, ta không làm nổi việc ấy, ta thà suốt đời làm hiệp sĩ gỗ mua vui cho lũ trẻ còn hơn là đi giết một người ta yêu để được làm người. Đại để câu chuyện là như vậy, nhưng với một tác phẩm đã gọi là rất hay thì khó kể lại, tốt hơn hết là hãy tìm nó mà đọc. Hình như nhà văn Kim Lân vừa cho Nhà xuất bản Kim Đồng tái bản tập sách nhỏ đó.

Bây giờ tôi xin kể về một đồng đất rất vớ vẩn mà cũng rất lạ lùng. Nó nằm ở ven quốc lộ số Một, chỗ đầu bắc của phố phủ Từ Sơn, mỗi lần có dịp qua nó tôi đều bắt chước khách bộ hành ném thêm vào đấy một cục đất nho nhỏ.

Người đời quen gọi nó là mả ông Đống, hoặc gọi nó là mả thằng ăn mày. Lâu lâu thấy mả thằng ăn mày nổi lên cao quá, chị em công nhân bảo dưỡng đường lại phải gọi nhau bỏ sức ra xúc nó vớt xuống mấy cái ao, cái chuôm gần đấy. Nhưng rồi rất lạ lùng, mả thằng ăn mày chẳng mấy chốc lại nổi cao lên, nó không chịu mất đi, mà nó có tự bao giờ chẳng rõ, chỉ biết là trước khi có ta đã có nó rồi.

Những người đóng vai trò chủ yếu trong việc bồi đắp cho mả thằng ăn mày chính là mấy bà quen chạy chợ ở quanh vùng. Chợ Phủ là một nơi tập nập kẻ mua người bán, một tuần họp ba phiên. Còn gọi là chợ Giầu. Giầu ở đây là giầu cau. Đến chợ ai chả mong gặp sự hòa thuận vui vẻ, ai chả ngại gặp phải sự lừa lọc hay ế ẩm thua lỗ. Và thế là mọi người, không rõ từ đâu mà ai cũng đặt lòng tin vào sự phù hộ của thằng ăn mày đã chết thiêng từ bao giờ bao giờ. Người ta cảm thấy có sự may mắn nếu mỗi lần đi chợ nhặt một hòn đất, một hòn gạch, hòn đá ném lên cái mả ấy.

Có một lần, nhà văn Nguyễn Hồng trên đường về Bắc Giang đã dừng xe đạp bên mả thằng ăn mày. Ông vừa vuốt râu tẩm tẩm cười vừa hỏi tôi, anh hãy cho tôi biết đồng mả này giống cái gì ở trên đời. Tôi còn đang lúng túng chưa hiểu nên trả lời ra sao thì ông đã nói luôn, nó chính là đời thằng nhà văn chúng ta đấy. Đời thằng nhà văn là do bỏ quê hương xứ sở đắp nên, là bởi ông trời ông ấy phụ chú, cho nên nó suốt đời mang nợ, trả được gánh nợ đó đâu có dễ, và chỉ có thể trả bằng các tác phẩm mà thôi. Nhưng một khi, ai đã trả xong gánh nợ đời thì người ấy sẽ là bất diệt.

Cứ theo ý tứ ông cụ mà ngẫm thì không phải chỉ có các nhà văn mà còn có nhiều người khác nữa, nhiều nhiều lắm, họ cũng có thể trở thành bất diệt. Tôi xin lấy ví dụ, cuộc đời và sự nghiệp của ông Trần Đức Thảo, một thạc sĩ triết học đã từng sống cùng thời với chúng ta. Ông Thảo là người làng Song Tháp, xã Châu Khê, phủ Từ Sơn. Ông lớn lên ở phố Hàng Đường Hà Nội, rồi qua Pháp du học. Về nước lúc

thì ông làm giáo sư, lúc thì cặm cụi dịch sách, nhưng việc được ông xem là cốt yếu cho cả một đời là việc viết sách. Viết một cuốn sách.

Mùa thu năm 1997 tôi có dịp qua Mỹ, một người quen đã cho tôi cuốn sách của ông Thảo vừa được dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh. Đó là cuốn Nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ. Sách in cùng một lúc cả hai nơi, Luân Đôn và Нью уорк. Mà cũng chỉ in có năm trăm cuốn thôi. Hỏi vì sao in ít vậy, được cho biết là vấn đề mà ông Thảo đề cập đến cả thế giới lúc này cũng chỉ có chừng vài trăm người đang quan tâm, mà cũng không phải mọi người đều có thể hiểu hết những gì mà ông Thảo bàn trong cuốn sách này. Số sách in ra một nửa là dành cho người đặt trước còn lại đưa vào giữ trong các thư viện lớn.

Sinh thời, Jean Paul Sartre, một triết gia lớn của Pháp đã từng có lời đánh giá: "Trần Đức Thảo ở trong số những người hiếm có, luôn luôn tìm tòi khám phá ở chỗ giáp ranh giữa chân lý và phi lý".

Còn ông Thảo thì đã có lời đánh giá về ông Jean Paul Sartre như sau: "Ông Jean Paul Sartre là một triết gia đặt ra những vấn đề đáng bàn".

Mấy năm về trước tại Paris, vào những giây phút cuối của cuộc đời, giây phút hấp hối, khuôn mặt ông bỗng bừng sáng và nửa tỉnh nửa mơ ông đã nói ra một lý tưởng thật tốt lành về cái đẹp: "... ý thức trong lời kêu gọi chính nó đặt ra sự đòi hỏi... Cái đẹp trong sự hoàn thiện những quá trình nghiệm sinh...".

Đây là cách ra đi của một nhà tư tưởng. Chỉ có thể nói là hết sức cao quý.

Bình tro ông Thảo được gửi về nước, đặt tại Nhà tang lễ thành phố trên con đường Phùng Hưng.

Trước ngày làm đám viếng, tôi đã cùng người anh họ của ông tìm tới ôm bình tro đó trong tay rồi thắp một nén nhang tưởng niệm. Tôi nhớ một ngày gặp ông lần đầu trong căn gác của ngôi nhà tập thể khu Kim Liên. Lúc đó ông đang bận bịu với việc dịch những tác phẩm của Hêghen ra tiếng Việt.

Rồi tôi lại nghĩ như ông vẫn đang đứng lơ ngơ ở một góc đường Bà Triệu, vào một buổi trưa nào đó thời chiến tranh, trước một cửa hàng bán bánh mì không thu tem phiếu. Khi chiếc xe tải chở bánh tới, mấy bà mệ dịch viên chạy bổ ra, việc đầu tiên là họ nhìn nhau tìm ông Thảo cái đã. "Nào bác, xúm vào giúp chúng cháu một tay rồi chúng cháu sẽ ưu tiên bán cho bác trước, khỏi phải xếp hàng".

Ông Thảo gật đầu cười với họ, rồi cùng họ khênh những sọt bánh vào trong nhà trước những đôi mắt kinh ngạc lấy làm khó hiểu của dòng người đang rồng rắn bám nhau đợi mua bánh.

Song Tháp có hai thôn, Tháp ngoài và Tháp trong. Ông Thảo người Tháp ngoài. Trên cổng làng Tháp ngoài có bốn chữ: Xuất nhập tương phần. Nôm na nghĩa là nơi này khi ra khi vào đều phải nhìn mặt nhau. Cổng làng Tháp trong có ba chữ: Thủ chư dự. Nôm na nghĩa là nơi này khi đi khi về hãy ngừng cao đầu vui vẻ.

Ngày còn nhỏ tôi được mẹ dắt về bên ngoại, lúc qua cổng làng rồi mẹ trở tay bảo đây là nhà ông Thảo. Tôi ngẩn ngơ nhìn qua bờ ruộng, nhìn theo ngón tay bà đang chỉ, nhìn mãi vẫn chẳng thấy có ngôi nhà nào. Chỉ thấy trong đó có một cây táo dại đang xoa cánh xuống một đồng rơm khô, giữa một khu vườn buồn vắng.

Một con đường mờ, hẹp và chênh vênh giữa một bên là cái đúng, một bên là cái sai, đó là con đường trí tuệ mà ông đã đi trọn một đời. Con đường ấy như là một sợi chỉ dài, đầu sợi chỉ đã được buộc vào gốc cây táo trong mảnh vườn kia.

Về cuộc đời ông Trần Đức Thảo, nếu cần viết một cuốn sử biên niên thì không thể không ghi vào đó mấy sự kiện đáng kể trong những năm ông sống ở nước nhà. Cuốn Nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ ông viết bằng tiếng Pháp, trước khi gửi sang Pháp in đã được chính tay cố Tổng bí thư Lê Duẩn cầm bút phê lệnh cho phép. Ông cũng đã là người đầu tiên được đồng chí Nguyễn Văn Linh tới thăm và chuyện trò, ngay sau khi đồng chí được bầu làm Tổng bí thư của Đảng.

Vừa qua ông cũng đã vinh dự được nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh./.

Đ . C